|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023 -2024****MÔN: Lich sử-địa lí 6***(Thời gian làm bài 60 phút)* |

 **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

 **Phân môn Lịch sử**

| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết**  | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X  | - Khái lược về khu vực Đông Nam Á- Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á- Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X | 1  |  |  |  |  |  |  |  | 2.5% |
| **2** | VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X | - Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc- Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến về kinh tế, văn hoá trong thời kì Bắc thuộc | 1  |  |  |  |  |  |  |  | 2.5% |
| **3** | - Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc- Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X- Vương quốc Champa- Vương quốc Phù Nam | 6  |  |  | ½  |  | ½ |  |  1 | 45% |
| **Tổng** | **8** | **0** | **0** | **½** | **0** | **½** | **0** | **1** | **50%** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** | **35%** | **15%** |

**BẢNG MÔ TẢ MỨC ĐỘ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6**

**(Phân môn Lịch sử)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X  | - Khái lược về khu vực Đông Nam Á- Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á- Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X | **Nhận biết** – Trình bày được sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.– Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.– Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. | 1 TN |  |  |  |
| **2** | VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X | - Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc- Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến về kinh tế, văn hoá trong thời kì Bắc thuộc- Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc- Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X- Vương quốc Champa- Vương quốc Phù Nam | **Nhận biết**– Nêu được khoảng thời gian thành lập của nước Văn Lang, Âu Lạc– Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc.– Nêu được một số chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc– Trình bày được những nét chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...):– Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương– Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa– Nêu được một số thành tựu văn hoá của Champa– Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.– Nêu được một số thành tựu văn hoá của Phù Nam.**Thông hiểu**– Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc- Mô tả được một số chuyển biến quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hoá ở Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc.– Nêu được kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).– Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...):– Giới thiệu được những nét chính của cuộc đấu tranh về văn hoá và bảo vệ bản sắc văn hoá của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc– Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 – Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng (938)– Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Champa.- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Phù Nam.**Vận dụng**- Xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang, Âu Lạc trên bản đồ hoặc lược đồ.– Lập được biểu đồ, sơ đồ về diễn biến chính, nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).- Nhận xét được những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.**Vận dụng cao**– Liên hệ được một số thành tựu văn hoá của Champa có ảnh hưởng đến hiện nay | 7 TN | 1/2 TL\* | ½ TL\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **8 TN** | **1 TL** | **1 TL** |  **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **35%** | **15%** |

 **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

 **Phân môn Địa lí**

| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết**  | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  | – Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.-Kể tên được các thành phần chính của không khí. | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Số câuSố điểm | 20.5 |  |  |  |  |  |  |  |  20.5 |
| **2** | NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT | – Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.– Biết được trên thế giới có mấy đại dương. | 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Số câuSố điểm | 20.5 |  |  |  |  |  |  |  |  20.5 |
|  | ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT | – Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.– Kể được tên và xác định được nơi phân bố một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.– Trình bày được một số nhân tố hình thành đất. | 2 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |
|  | Số câuSố điểm | 20.5 |  |  | 11.5 |  |  |  |  | 32.0 |
|  | CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN | – Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.– Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.– Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người – Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. | 2 |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
|  | Số câuSố điểm | 20.5 |  |  |  |  | 1/21.0 |  | 1/20.5 | 32.0 |
|  | Tổng số câu | 8 |  |  | 1.5 |  | 1/2 |  | 1/2 | 10 |
|  | Tổng số điểm | 2.0 |  |  | 1.5 |  | 1.0 |  | 0.5 | 5.0 |
|  | Tỉ lệ % | 35% |  | 10% |  | 5% | 50% |

 **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |
| **1** | KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU  | – Các tầng khí quyển. Thành phần không khí– Các khối khí. Khí áp và gió– Nhiệt độ và mưa. Thời tiết, khí hậu– Sự biến đổi khí hậu và biện pháp ứng phó | **Nhận biết**-Kể tên được các thành phần chính của không khí.– Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và tầng bình lưu;– Kể được tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ, độ ẩm của một số khối khí.– Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.– Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ. | 2TN\* |  |  |  | 5% |
| **2** | NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT | – Các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển– Vòng tuần hoàn nước– Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ– Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển– Nước ngầm và băng hà | **Nhận biết**– Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thuỷ quyển.– Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.– Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.– Biết được trên thế giới có mấy đại dương.– Trình bày được các hiện tượng sóng, thuỷ triều, dòng biển (khái niệm; hiện tượng thủy triều; phân bố các dòng biển nóng và lạnh trong đại dương thế giới). | 2TN\* |  |  |  |  |
| **3** | ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT | – Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất– Các nhân tố hình thành đất– Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên Trái Đất– Sự sống trên hành tinh– Sự phân bố các đới thiên nhiên– Rừng nhiệt đới | **Nhận biết**– Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.– Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.– Kể được tên và xác định được nơi phân bố một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.**Thông hiểu**– Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.– Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.**Vận dụng**– Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.**Vận dụng cao**– Biết cách tìm hiểu môi trường tự nhiên qua tài liệu và tham quan địa phương. | 2TN\* | 1 TL\* | 1 TL (a)\* | 1TL(b)\* | 25% |
| **4** | CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN | – Dân số thế giới– Sự phân bố dân cư thế giới– Con người và thiên nhiên– Bảo vệ tự nhiên, khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.– Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.– Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.**Thông hiểu**– Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới.**Vận dụng**– Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người (tác động đến đời sống sinh hoạt của con người; tác động đến sản xuất).**Vận dụng cao**– Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất (tác động tích cực; tác động tiêu cực).– Nêu được ý nghĩa của việc bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên vì sự phát triển bền vững. Liên hệ thực tế địa phương. | 2TN\* | 1 TL\* | 1 TL (a)\* | 1 TL(b)\* | 20% |
| ***Số câu/Loại câu*** |  |  | ***8TN*** | ***1TL*** | ***1TL (a)*** | ***1TL(b)*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ %** |  |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II** **NĂM HỌC 2023 -2024****MÔN: Lich sử-Địa lí 6***(Thời gian làm bài 60 phút)* |

**A.Trắc nghiệm: (4,0 điểm)**

***Câu1. Đông Nam Á là một khu vực nằm ở:***

A. Đông Nam châu Á. B. Đông Bắc Á.

C. Tây Nam Á. D. Nam Á.

***Câu 2. Trước âm mưu đồng hóa của phong kiến phương Bắc, người Việt:***

A. bỏ phong tục tập quán của mình.

B. luôn có ý thức giữ gìn văn hóa bản địa mình.

C. sẵn sàng học theo văn hóa của người phương Bắc.

D. chấp nhận tuân theo những chính sách đồng hóa của phương Bắc.

***Câu 3. Sự kiện quan trọng nào sau đây trong lịch sử Việt Nam diễn ra vào năm 40?***

A. Khởi nghĩa Lý Bí. B. Khởi nghĩa Bà Triệu.

C. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng. D. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan.

***Câu 4. Hệ thống chữ Chăm cổ được cải biên từ:***

A. chữ Phạn của Ấn Độ. B. chữ Hán của Trung Quốc.

C. chữ Mông Cổ. D. chữ Khơ me cổ.

Câu 5.Cảng thị tiêu biểu của vương quốc Phù Nam là

A. Gò Tháp. B. Cạnh Đền. C. Óc Eo. D. Nền Chùa.

***Câu 6. Xã hội Phù Nam phân chia thành các thành phần chính nào?***

A. Quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công.

B. Quý tộc, nông dân, thương nhân, thợ thủ công.

C. Quý tộc, tăng lữ, thương nhân, nông dân, nô lệ.

D. Quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công, nông dân

***Câu 7. Người biết tận dụng thời cơ nổi dậy giành chính quyền tự chủ vào năm 905 là:***

A. Dương Đình Nghệ. B. Khúc Hạo.

C. Khúc Thừa Mĩ. D. Khúc Thừa Dụ.

***Câu 8. Thắng lợi nào kết thúc thời kì Bắc thuộc?***

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40. B. Khởi nghĩa Lý Bí năm 542-602.

C. Khởi nghĩa Phùng Hưng thế kỉ VIII. D. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

***Câu 9. Càng lên cao, nhiệt độ thay đổi như thế nào?***

A. Giảm . B. Tăng .

C. Không đổi . D. Biến động thất thường .

***Câu 10. Hệ thống sông bao gồm:***

A. sông chính và phụ lưu.

B. sông chính và chi lưu.

C. phụ lưu và chi lưu.

D. sông chính, phụ lưu và chi lưu.

***Câu 11. Các thành phần chính của đất là:***

A. không khí, hạt khoáng và mùn.

B. không khí, nước, chất hữu cơ và hạt khoáng.

C. nước, không khí, chất hữu cơ và độ phì.

D. chất hữu cơ, nước, không khí và sinh vật.

***Câu 12. Thành phần không khí gần mặt đất:***

A. khí ni tơ và oxy.

B. khí oxy và carbonic

C. khí ni tơ và carbonic.

D. khí ni tơ ; oxy; hơi nước, khícarbonic và các khí khác.

***Câu 13. Đất đỏ vàng nhiệt đới chủ yếu tập trung ở khu vực nào?***

A. Đới nóng B. Đới lạnh

C. Đới ôn hòa D. Trên toàn bộ Trái Đất

**Câu 14.** Trên Trái Đất có mấy đại dương?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

***Câu 15. Dân cư thường tập trung đông ở khu vực nào sau đây?***

A. Miền núi. B. Vùng đồng bằng, ven biển.

C. Các thung lũng. D. Hoang mạc và vùng cực.

***Câu 16. Đô thị Tô-ky-ô thuộc quốc gia nào dưới đây?***

A. Trung Quốc. B. Hàn Quốc. C. Nhật Bản. D. Ấn Độ

**B. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 1:** (2,5 điểm):

a. (1,5 điểm): Tại sao nói: Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền là một chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta?

b. (1,0 điểm): Nêu nhận xét của em về những điểm độc đáo trong cách tổ chức, đánh giặc của Ngô Quyền.

**Câu 2** (0,5 điểm): Những thành tựu văn hóa tiêu biểu nào của vương quốc Chăm-pa vẫn được bảo tồn đến ngày nay?

**Câu 3:** *(1,5 điểm)*Em hãy trình bày ảnh hưởng đến sự hình thành đất củacác nhân tố: đá mẹ, khí hậu, sinh vật?

**Câu 4.** *(1,5 điểm)*

a. Thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất?

b. Lấy một ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên?

----------------------------------Hết---------------------------------

**D. ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ LỚP 6**

A. Trắc nghiệm *(4,0 điểm)* (mỗi câu trả lời đúng 0.25đ)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đ.A** | **A** | B | C | A | C | B | D | D |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | A | D | B | D | A | C | B | C |

B. PHẦN TỰ LUẬN (6.0 *điểm*)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung đáp án** | **Điểm** |
| ***Câu 1*** | \*Ý a: Nói chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền là một chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta,vì:-Đây là một trong những trận thủy chiến lớn nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.-Chiến thắng Bạch Đằng 938 đã kết thúc thời kì hơn 1000 năm Bắc thuộc,mở ra một thời kì mới -thời kì độc lập ,tự chủ lâu dài cho đất nước.-Đập tan hoàn toàn âm mưu xâm chiếm nước ta của bọn phong kiến phương Bắc.Sau thất bại này,nhà Nam Hán ko dám đem quân sang xâm lược nước ta nữa.\*Ý b:Nhận xét cách đánh giặc độc đáo của Ngô Quyền:-Chủ động đón đánh quân xâm lược bằng cách bố trí mai phục và xây dựng trận địa bãi cọc ngầm trên sông Bạch Đằng.-Lợi dụng thủy triều lên xuống để tổ chức đánh địch.-Sử dụng thuyền nhỏ để có thể luồn lách qua các bãi cọc,đánh nhử vờ thua chạy để dụ địch lọt vào trận đia mai phục.-Biết lợi dụng tâm lí hiếu thắng,chủ quan,khinh địch của tướng giặc. | 1.5đ0.50.50.50.250.250.250.25 |
| ***Câu 2*** | \*Những thành tựu văn hóa tiêu biểu nào của vương quốc Chăm-pa vẫn được bảo tồn đến ngày nay:-Đền ,tháp chăm ..(Thánh địa Mĩ Sơn)-Nghệ thuật tạo hình….VD:Tượng vũ nữ Áp-sa-ra,đền thờ Trà Kiệu…. |  |
| ***Câu 3*** | **Ảnh hưởng của các nhân tố hình thành đất** - Đá mẹ: nguồn gốc sinh ra thành phần khoáng, quy định màu sắc, tính chất của đất.- Khí hậu: điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn cho quá trình phân giải các chất khoáng, chất hữu cơ trong đất- Sinh vật: Nguồn gốc sinh ra thành phần hữu cơ, là nhân tố trong quá trình phong hóa đá mẹ. | 0,5đ0,5đ0.5đ |
| ***Câu 4*** | **a. Thiên nhiên tác động như thế nào đến sản xuất**- Tích cực:Vd: + Điều kiện tự nhiên thuận lợi: dân cư đông đúc + Tài nguyên thiên nhiên phong phú: thuận lợi để phát triển sản xuất, kinh tế.- Hạn chế: Vd: + Thiên tai + Tài nguyên**b. Ví dụ cụ thể về các biện pháp khai thác và sử dụng thông minh tài nguyên thiên nhiên*****\* Khai thác đảm bảo phát triển bền vững***Vd: + Khai thác khoáng sản hợp lí, tiết kiệm, có kế hoạch + Sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) ***\* Khai thác đi đôi với việc sử dụng khoa học công nghệ***Vd: sản xuất được các sản phẩm trái mùa... | 0,5đ0,5đ0,25đ0,25đ |